

TIẾNG ANH 9

UNIT 4

NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB
_____ : bài quảng cáo _____ : sự, ngành quảng cáo	Advertise: quảng cáo		
_____ : sự đồng ý _____ : sự bất đồng	Agree: đồng ý Disagree: bất đồng	_____ : vui vẻ, dễ chịu _____ : khó chịu	
_____ : sự khó khăn		Difficult: khó khăn	
_____ : kỳ thi _____ : giám khảo _____ : thí sinh	Examine: khảo hạch, xem xét		
_____ : sự luyện tập	Practice/ practise: luyện tập	_____ : thực dụng, thực tiễn	_____ : một cách thực dụng
_____ : phong cảnh		Scenic: đẹp vì có nhiều phong cảnh	
_____ : sự nổi tiếng	Repute: cho là, đồn là	_____ : có danh tiếng tốt	_____ : có danh tiếng tốt
Culture: Văn hóa		_____ : thuộc văn hóa	_____ : về phương diện văn hóa

_____ : Sự cải thiện	Improve: cải thiện, trao đổi		
Quality: chất lượng, tài năng, phẩm chất	_____ : có đủ tiêu chuẩn, có đủ đk	_____ : có đủ tiêu chuẩn, có đủ đk	
_____ : thông tin	Inform: cung cấp thông tin	_____ : cung cấp nhiều tin tức	
_____ : lần xuất bản _____ : người biên tập	Edit: biên tập		
		Approximate: xấp xỉ, độ chừng	_____ : khoảng chừng
		Exact: chính xác	_____ : chính xác